

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1294/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01/11/2019

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Ông Trần Nguyên Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T Thành phố T tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 601/2019/TLST-HNGĐ Ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2019/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trang Thị Bích L, sinh năm 1992
Hộ khẩu thường trú: Số 113/35/7 Đường 11, Khu phố 4, phường T, quận T, Thành phố H.

Địa chỉ: Xóm 3, Đội 5, thôn Hội Nhon, xã Ân Hữu, huyện H, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* ông Trần Phát Hoàng L, sinh năm 1989
Hộ khẩu thường trú: Số 113/35/7 Đường 11, Khu phố 4, phường L, quận T, Thành phố T.

(Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày **17 tháng 5 năm 2019** và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn bà **Trang Thị Bích L** trình bày:

Bà **Trang Thị Bích L** và ông **Trần Phát Hoàng L** tự nguyện tìm hiểu, năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố T. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng ông L không thay đổi. Năm 2018 vợ chồng đã ly thân đến nay vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nay bà L yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông **Trần Phát Hoàng L** để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai ông bà có con chung tên **Trần Bảo L (nữ)**, sinh ngày **24/02/2016**. Ly hôn bà **Trang Thị Bích L** giao con chung cho ông **Trần Phát Hoàng L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Tại phiên tòa;

[1] Đối với nguyên đơn bà **Trang Thị Bích L**: Bà L có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

[2] Đối với bị đơn ông **Trần Phát Hoàng L**: Tại các Biên bản hòa giải và Bản tự khai: Bị đơn xác nhận thời gian kết hôn và mâu thuẫn đúng như lời nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên ông L không đồng ý ly hôn với bà L vì còn tình cảm và muốn níu kéo cuộc sống gia đình.

Về con chung: Hai ông bà có con chung tên **Trần Bảo L (nữ)**, sinh ngày **24/02/2016**. Ly hôn ông **Trần Phát Hoàng L** yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông L không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố gì.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải

quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn đã được tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến. Tại phiên tòa hôm nay **nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn cũng không có mặt** và không có ý kiến gì.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ tranh chấp về hôn nhân gia đình và do bị đơn có địa chỉ tại: Số 113/35/7 Đường 11, Khu phố 4, phường Linh Xuân, quận T, Thành phố H và hiện đang cư trú tại địa chỉ trên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị Bích L:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trang Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Phát Hoàng L.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trang Thị Bích L và ông Trần Phát Hoàng L là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn **số 143 quyền số 01 ngày 28/10/2013** do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H. Theo bà L thì bà và ông L tự nguyện tìm hiểu, năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng ông L không thay đổi. Năm 2018 vợ chồng đã ly thân đến nay vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nay bà L yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Trần Phát Hoàng L để ổn định cuộc sống.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện; Căn cứ vào Công văn số 822/TAQTĐ ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; Công văn số 140/VHTT ngày 27/8/2019 của Phòng Văn hóa; Thông Tin và Công văn số 1217/LĐTB ngày 16/8/2019 của Phòng Lao động Thương binh và Xã Hội quận T; Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Linh Xuân, quận T thì ông Trần Phát Hoàng L có hộ

khẩu thường trú tại: Số 113/35/7 Đường 11, Khu phố 4, phường L, quận T, Thành phố H và hiện đang cư trú tại địa chỉ trên.

[2.2] Đối với ý kiến của bị đơn **ông Trần Phát Hoàng L**: Tại các Biên bản hòa giải và Bản tự khai: Bị đơn xác nhận thời gian kết hôn và mâu thuẫn đúng như lời nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên ông L không đồng ý ly hôn với bà L vì còn tình cảm và muốn níu kéo cuộc sống gia đình. Toà án đã triệu tập ông Trần Phát Hoàng L đến Tòa để giải quyết việc kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần Phát Hoàng L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến. Điều này chứng tỏ ông Trần Phát Hoàng L không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Trang Thị Bích L.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa **bà L, ông L** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Trang Thị Bích L là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Trang Thị Bích L phù hợp với giấy khai sinh **số 81 ngày 08/3/2016 của Ủy ban nhân dân** dân phường L, quận T, Thành phố H cấp thì có đủ căn cứ xác định bà L, ông L có 01 con chung tên **Trần Bảo L (nữ), sinh ngày 24/02/2016**. Ly hôn bà L giao con cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông L cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung vì thực tế ông L hiện đang nuôi dưỡng con **Trần Bảo L** và điều này cũng phù hợp, **nên HĐXX chấp nhận yêu cầu** này của **bà L**.

[2.4] Về yêu cầu cấp dưỡng: ông Trần Phát Hoàng L không yêu cầu bà Trang Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của ông L, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Bà L, ông L xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

- Về nợ chung: Bà L, ông L xác định không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: **Bà L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; **Điều 228; Điều 238;** Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: bà Trang Thị Bích L được ly hôn ông Trần Phát Hoàng L.

1.2/ Về con chung: Giao con chung tên **Trần Bảo L (nữ), sinh ngày 24/02/2016** cho ông Trần Phát Hoàng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Phát Hoàng L không yêu cầu bà Trang Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: bà **Trang Thị Bích L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng, nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng **bà Trang Thị Bích L đã nộp theo** biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003083 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H lập, **bà Trang Thị Bích L** đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND TP.H;
- VKSND Q. T;
- TAND TP.H;
- Chi cục THADS Q.T;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Loan